

Bản án số: 453/2019/HC-PT
Ngày: 26 - 6 - 2019
V/v “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười
Các thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng
Ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 273/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do bản án Hành chính sơ thẩm số: 27/2016/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1322/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 1, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số 069/A, tổ 3, khu phố 2, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Kim M; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đoàn Hồng T; Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bao Văn H1, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1978 (có mặt); Địa chỉ: Số 160/24/1 P, Phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Bao Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12-9-2016; Bản tự khai ngày 19-10-2016, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Thái Thanh H trình bày:

Nguyên gia đình bà Phạm Thị G là người có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp phần đất có diện tích 1.417m² thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 00300 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị G.

Hộ gia đình bà G gồm các thành viên: Cha bà G là ông Phạm Văn B (sinh năm 1920, chết năm 2014), mẹ bà G là bà Đỗ Thị G (sinh năm 1936, chết năm 2008), bà Phạm Thị G, cháu bà G là ông Phạm Hải Đ1, ông Nguyễn Việt T1 và ông Nguyễn Tấn M.

Ngày 15-01-2016, khi hộ gia đình bà G làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay vốn ngân hàng thì bà G phát hiện UBND huyện (nay là thị xã) T đã cấp GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 ngày 23-6-2011 cho ông Bao Văn H1 đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), trùng với GCNQSDĐ số 00300 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị G.

Nhận thấy, UBND huyện (nay là thị xã) T đã cấp GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 ngày 23-6-2011 cho ông Bao Văn H1 đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T) là trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà Phạm Thị G.

Vì vậy, bà G khởi kiện UBND thị xã T, yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 ngày 23-6-2011 cho ông Bao Văn H1 đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương là ông Đoàn Hồng T trình bày:

GCNQSDĐ số 00300 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 cấp cho hộ bà Phạm Thị G được cấp trên cơ sở cấp giấy hàng loạt, không qua đo đạc thực tế. Hiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ nêu trên đã bị thất lạc theo Biên bản xác nhận hồ sơ thất lạc số 38/BB-VPĐK ngày 25-12-2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T).

GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011 đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T) là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ quy định về cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất.

Giữa bà Phạm Thị G và ông Bao Văn H1 có giấy tay bán đất ngày 03-7-1999, trong đó có chữ ký của ông Phạm Văn B và ông Phạm Văn C.

Do đó, đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011 đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), UBND thị xã T yêu cầu ông H1 và bà G tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có liên quan; trường hợp bà G và ông H1 không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử theo quy định pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1 trình bày:

Ngày 03-7-1999, ông Bao Văn H1 nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị G phần đất có diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương với giá chuyển nhượng 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Việc chuyển nhượng được lập bằng giấy viết tay bán đất, trong đó có chữ ký tên của cha bà G là ông Phạm Văn B và ông Phạm Văn C. Giấy viết tay chưa được chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền công chứng xác nhận.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H1 trồng cây lâu năm và xây dựng trên phần đất 02 căn nhà cấp 4. Từ đó đến nay, ông H1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 16-3-2011, ông Bao Văn H1 lập một tờ khai nguồn gốc đất diện tích 1.417m² tại khu phố K, thị trấn T, huyện T (nay là khu phố K, phường T, thị xã T) có nguồn gốc chuyển nhượng ngày 03-7-1999 không ghi họ tên người chuyển nhượng và được UBND thị trấn T xác nhận ngày 07-4-2011.

Ngày 18-3-2011, ông Bùi Hữu T2 đại diện UBND thị trấn (nay là phường) T chủ trì cuộc họp lấy ý kiến khu dân cư gồm ông Lương Văn D, ông Võ Văn X, ông Bao Văn U, ông Trần Văn C1 và ông Phạm Văn N1, không có bà Phạm Thị G. Ngày 21-3-2011, UBND thị trấn (nay là phường) T lập biên bản công khai danh sách ông Bao Văn H1 đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Ngày 23-6-2011, ông Bao Văn H1 được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 đối với thửa 59, tờ bản đồ số 13, diện tích sử dụng 1.417m² tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương.

Như vậy, việc ông Bao Văn H1 được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 đối với thửa 59, tờ bản đồ số 13, diện tích sử dụng 1.417m² tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T) là tuân thủ theo đúng quy định pháp luật. Việc bà G cho rằng UBND huyện (nay là thị xã) T cấp trùng GCNQSDĐ đối với phần đất của bà là không đúng sự thật.

Vì vậy, ông H1 yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hải Đ1, ông Nguyễn Viết T1, ông Nguyễn Tấn M trình bày:

Thông nhất yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011, vì GCNQSDĐ này được cấp không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình bà G.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 27/2016/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134; khoản 1 Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 164; Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

2. Hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 đối với đất có diện tích 1.417m² thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 09-01-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1 có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1 ủy quyền cho ông Nguyễn Thiện Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị G về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng trình tự theo Luật tố tụng hành chính, vị kiểm sát viên cũng phân

tích toàn bộ các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới, và cũng không có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1 là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2016/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bao Văn H1 yêu cầu sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hồ sơ vụ án thì phần đất có diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương do UBND huyện (nay là thị xã) T đã cấp GCNQSDĐ số 00300 QSDĐ/TU ngày 29-7-1999 cho hộ bà Phạm Thị G là đúng trình tự thủ tục của luật đất đai.

Ngày 03-7-1999 bà Phạm Thị G có làm giấy tay chuyển nhượng diện tích 1.417m² cho ông Bao Văn H1 với số tiền 20.000.000 đồng nhưng chưa được các cơ quan chính quyền địa phương hoặc công chứng xác nhận.

Ngày 25-12-2009, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T) có lập biên bản số 38/BB-VPĐK về việc xác nhận hồ sơ thất lạc, trong đó có hồ sơ gốc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Phạm Thị G. UBND huyện (nay là thị xã) T không có ban hành Quyết định thu hồi hoặc hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà Phạm Thị G đối với phần đất có diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 16-3-2011, ông Bao Văn H1 có đơn xin cấp GCNQSDĐ có diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương (dùng cho trường hợp xin cấp GCNQSDĐ lần đầu). Căn cứ tờ khai nguồn gốc đất do ông Bao Văn H1 tự khai đất có nguồn gốc chuyển nhượng vào ngày 03-7-1999 không có ghi cụ thể tên người chuyển nhượng nhưng được UBND thị trấn (nay là phường) T xác nhận ngày 07-4-2011. Đồng thời tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư lập ngày 18-3-2011 xác định nguồn gốc đất có diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương là của bà Phạm Thị G chuyển nhượng cho ông Bao Văn H1, nhưng khi cơ quan chính quyền ở địa phương lấy ý kiến về nguồn gốc đối với phần đất này thì không mời bà G đến dự họp.

Đến ngày 17-5-2011, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện (nay là thị xã) T có Tờ trình số 101/TTr-PTN&MT về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Bao Văn H1. Ngày 19-5-2011, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 2479/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Bao Văn H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Phạm Thị G ngày 29-7-1999. Trong trường hợp này bà Phạm Thị G và ông Bao Văn H1 phải thực hiện bằng một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng theo mẫu quy định của Luật đất đai.

Nhưng UBND huyện (nay là thị xã) T cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Phạm Thị G ngày 29-7-1999 trùng với diện tích 1.417m², thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương cấp cho ông Bao Văn H1 vào ngày 23-6-2011 là không đúng quy định về pháp luật đất đai. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G, hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 đối với đất có diện tích 1.417m² thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1 ủy quyền cho ông Nguyễn Thiện Đ cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết, chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho việc yêu cầu kháng cáo của ông Bao Văn H1.

Từ những phân tích trên; Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của ông Bao Văn H1 là không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của ông Bao Văn H1. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bao Văn H1. Giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[5] Về án phí: Ông Bao Văn H1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bao Văn H1.

Giữ nguyên bản án Hành chính sơ thẩm số 27/2016/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134; khoản 1 Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 164; Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

2. Hủy GCNQSDĐ số bìa BE 417280, số vào sổ CH 01213 đối với đất có diện tích 1.417m² thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Bao Văn H1 ngày 23-6-2011.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí: Ông Bao Văn H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0010545 ngày 19-01-2017 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương, ông H1 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu: hồ sơ (2), VP(3), 13b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười